

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 09/2023/ HNGĐ-PT

Ngày: 08/5/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.

Bà Lê Thị Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXX - PT ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1979.

ĐKHKT: Số nhà 08/149 M 3, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Tổ d, thị trấn Nưa, Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

*** Bị đơn:** Anh **Lê Tiến H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 08/149 M 3, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

*** Người kháng cáo:** Bị đơn, anh Lê Tiến H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tiến H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng ở địa chỉ SN 08/149 M 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu bia về nhà gây sự đánh đập vợ con, chị và gia đình đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Do anh H đánh đập đuổi chị nhiều lần nên vào tháng 9/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại tổ d, thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Tiến H.

Về con chung: Chị và anh Lê Tiến H có hai con chung là cháu Lê Tiến Hư, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Lê Tiến Hu, sinh ngày 20/5/2014. Ly hôn chị T xin được nuôi hai con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung vì chị đủ điều kiện nuôi các cháu.

Về tài sản công nợ: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn anh Lê Tiến H trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng anh thống nhất như chị T trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc nhưng thi thoảng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Nay chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh cũng đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh cũng thừa nhận vợ chồng có 02 con chung. Từ khi vợ chồng anh sống ly thân hai cháu ở với anh. Ly hôn anh xin được nuôi cả hai cháu Lê Tiến Hư, sinh ngày 28/10/2008; cháu Lê Tiến Hu, sinh ngày 20/5/2014 và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/01 cháu/tháng (hai cháu là 4.000.000đ).

Về tài sản, công nợ: Anh Lê Tiến H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai nếu bố mẹ ly hôn, cháu Lê Tiến Hư có nguyện vọng ở với bố và cháu Lê Tiến Hu có nguyện vọng được ở với mẹ, tuy nhiên tại bản khai sau và tại phiên toà sơ thẩm, cháu Hu thay đổi ý kiến muốn được ở với bố.

** Về phía chính quyền địa phương UBND phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa cung cấp thông tin:* Anh H và chị T là công dân ở phố M 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, quá trình anh chị sinh sống ở địa phương có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Triệu Sơn ở, nay chị T và anh H ly hôn địa phương không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định Pháp luật.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Khoản 1 Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Tiến H. Về con chung: Công nhận cháu Lê Tiến Hư, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Lê Tiến Hu, sinh ngày 20/5/2014 là con chung của chị T và anh H. Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tiến Hư. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tiến Hu. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ: Chị T và anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 02 năm 2013, bị đơn anh Lê Tiến H làm đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi cả hai con chung là cháu Lê Tiến Hư, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Lê Tiến Hu, sinh ngày 20/5/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị T không rút đơn khởi kiện; bị đơn anh Lê Tiến H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX): Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Tiến H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên, quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã

thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. Xét về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 và 276 BLTTDS. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đương sự không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn được xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của anh Lê Tiến H về yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Lê Tiến Hư, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Lê Tiến Hu, sinh ngày 20/5/2014, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T và anh H có hai con chung cháu Lê Tiến Hư, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Lê Tiến Hu, sinh ngày 20/5/2014. Ly hôn chị T, anh H đều có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu, chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, tại cấp phúc thẩm, anh H cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 19/10/2022 Lê Thị T đã đưa cháu Lê Tiến Hư, cháu Lê Tiến Hu đến để Tòa án lấy ý kiến của các cháu, cháu Hu có nguyện vọng ở với chị T, cháu Hư có nguyện vọng ở với anh H. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/01/2023 anh H có ý kiến từ ngày vợ chồng anh sống ly thân cả hai cháu Hu và Hưng đều ở với anh, khi chị T đưa các cháu đến Tòa án làm việc anh không được biết, vì vậy anh đề nghị Hội đồng xét xử lấy lại ý kiến của hai cháu. Ngày 07/02/2023 anh H và chị T đã đưa cháu Hư và cháu Hu đến Tòa án, cháu Hu thay đổi nguyện vọng là được ở với anh H. Tại phiên tòa phúc thẩm, cháu Hu vẫn có nguyện vọng được ở với bố và anh trai. Tuy nhiên HĐXX nhận thấy: Cháu Hu đang còn quá nhỏ, nguyện vọng ở với bố hay mẹ đang còn cảm tính, lúc thì xin được ở với mẹ, lúc thì muốn ở với bố. Việc lấy ý kiến nguyện vọng của con từ 07 tuổi trở lên nói chung cũng như ý kiến của cháu Hu nói riêng chỉ là một trong những yếu tố để Tòa án tham khảo trong quá trình giải quyết vụ án, không hoàn toàn là ý kiến mang tính quyết định. Tại cấp phúc thẩm cả anh H và chị T đều xin được nuôi cả hai cháu, đây là nguyện vọng cũng như là quyền và nghĩa vụ chính đáng của bố, mẹ đối với con. Để giao cháu Hư hay cháu Hu cho ai nuôi dưỡng HĐXX cần phải xem xét đầy đủ các điều kiện hiện tại của anh H, chị T nhằm đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất sau khi anh H, chị T ly hôn.

Theo chứng cứ mà các đương sự cung cấp, hiện tại chị T là thủ kho tại Công ty sản xuất và thương mại Khánh Thành có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 9.000.000đ, chị T đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ từ ngày vợ chồng chị sống ly thân chị vẫn thường xuyên quan tâm đến các cháu như hỏi thăm, nộp tiền học, tiền ăn bán trú cho các cháu. Anh H có trình bày anh là thợ xây cho công ty ở Hà Nội, khi nào công ty có việc ở đâu thì anh đi làm, không ổn định công việc một nơi, công việc anh đi làm có thể ở Thanh Hóa, có thể ở Hà Nội lương khoảng 12

triệu đồng/ tháng, từ ngày vợ chồng anh sống ly thân thì anh nghĩ làm ở nơi xa để về chăm hai cháu. Xét chị T và anh H đều có việc làm và thu nhập, hơn nữa hiện tại cháu Hu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn và cũng để ổn định tâm lý cho cháu. Do đó cần giao cháu Lê Tiến Hư cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lê Tiến Hu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung của các bên đương sự giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tiến Hư. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tiến Hu là có căn cứ và phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại cấp phúc thẩm, anh H không cung cấp được tài liệu chứng minh chị T không có khả năng nuôi dưỡng cháu Hu nên kháng cáo của anh H là không có cơ sở xem xét.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bị đơn anh Lê Tiến H không có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] *Về án phí*: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 38; Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Tiến H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Về phần con chung, cụ thể: Giao cho anh Lê Tiến H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Tiến Hư sinh ngày 28/10/2008. Giao cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Tiến Hu, sinh ngày 20/5/2014. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H và chị T có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0002263 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

Án phí phúc thẩm: Anh Lê Tiến H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002804 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND cấp cao HN;
- TAND TP.Thanh Hoá;
- VKSND, THADS TP.Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Thành